

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số: /2026/HĐXD

GÓI THẦU SỐ 07: XÂY LẮP CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN CẦU QUÁ SÔNG MÃ BẮN PE TIỀN (CẦU PHIÊNNG PE)
XÃ CHIỀNG SƠ, TỈNH SƠN LA

GIỮA
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG, TỈNH SƠN LA

VÀ

CÔNG TY.....

MÃ SỐ THUẾ

THÁNG NĂM 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

- Điều 1. Giải thích từ ngữ
- Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
- Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng
- Điều 4. Thông báo
- Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng
- Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc
- Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng
- Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng
- Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán
- Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng
- Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư
- Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu
- Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng)
- Điều 14. Nhà thầu phụ
- Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ
- Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường
- Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư
- Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu
- Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành
- Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng
- Điều 21. Sự kiện bồi thường
- Điều 22. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng
- Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp
- Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng
- Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng
- Điều 26. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

- Điều 1. Giải thích từ ngữ
- Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
- Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

Điều 14. Nhà thầu phụ

Điều 21. Sự kiện bồi thường

Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
UBND	Ủy ban nhân dân
Ban QLDA	Ban Quản lý dự án
NTTVGSTCXD	Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng và quản lý hoạt động xây dựng
Nghị định 254/2025/NĐ-CP	Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính Phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.
Thông tư 02/2023/TT-BXD	Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
VNĐ	Đông Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Trụ sở Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

- Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Sơn La

- Đại diện Ông: Nguyễn Hợp Cường Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 46, đường Lò Văn Giá, Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

- Điện thoại: 02123 852 753 Fax:

- Mã số thuế: 5500364406

- Tài khoản số: 9552.2.8049565. Mở tại: Phòng Nghiệp vụ 2, Kho bạc Nhà nước khu vực X.

Và bên kia là:

2. Nhà thầu: Công ty.....; mã số thuế:.....

Tên giao dịch: Công ty

Đại diện là: - Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số, do.....cấp.

Mã số thuế:

- Số tài khoản: tại Ngân hàng Mã Ngân hàng:.....

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây lắp Gói thầu số 07: Xây lắp công trình thuộc Dự án Cầu qua Sông Mã bản Pe Tiên (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La với các nội dung sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH14 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật đấu thầu số 90/2025/QH15;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 01/01/2015; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng và quản lý hoạt động xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản

lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính Phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 02/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2025 cho một số địa phương khắc phục hậu quả cơn bão số 10 và các đợt thiên tai khác từ đầu năm 2025;

- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La: Số 2627/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 về việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2025 hỗ trợ khắc phục hậu quả cơn bão số 10 và các đợt thiên tai khác từ đầu năm 2025; số 3346/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cầu qua sông Mã bản Pe Tiến (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La; số 373/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 phê duyệt dự án Cầu qua sông Mã bản Pe Tiến (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông số 25/QĐ-BQLDA ngày 31/01/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 59/QĐ-BQLDA ngày 13/03/2026 về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau bước thiết kế cơ sở (bước BVTC); số 61/QĐ-BQLDA ngày 15/3/2026 về việc phê duyệt dự toán gói thầu số 07, xây lắp công trình; số/QĐ-BQLDA ngày/2026 về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu xây lắp gói thầu số 07, dự án Cầu qua sông Mã bản Pe Tiến (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;

- Biên bản thương thảo hợp đồng BBTT-HDXD ngày/2026 giữa Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Nhà thầu....., mã số thuế:..... về việc thực hiện Gói thầu số 07: Xây lắp công trình thuộc dự án Cầu qua sông Mã bản Pe Tiến (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;

- Quyết định số/QĐ-BQLDA ngày/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 07, dự án Cầu qua sông Mã bản Pe Tiến (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;

- Văn bản số ngày/2026 của nhà thầu về việc chấp thuận đến hoàn thiện, ký hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào của công trình do Chủ đầu tư phát hành hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc phê duyệt;

1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;

1.3. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;

1.4. “Chủ đầu tư” là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La;

1.5. “Đại diện Chủ đầu tư” là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La;

1.6. “Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng” là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa xong các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;

1.7. “Công trình” là phạm vi của gói thầu số 07: Xây lắp công trình Cầu qua sông Mã bản Pe Tiên (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;

1.8. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình chính của hợp đồng;

1.9. “Công trình chính” là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng;

1.10. “Công trường” là khu vực xây dựng công trình thuộc địa phận xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;

1.11. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

1.12. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;

1.13. “Năm” là năm dương lịch;

1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;

1.15. “Ngày” là ngày dương lịch;

1.16. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo E-ĐKCT;

1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại E-ĐKCT;

1.18. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong E-ĐKCT. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;

1.19. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;

1.20. “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

1.21. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp;

1.22. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;

1.23. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;

1.24. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được [quy định tại Điều 21. Sự kiện bồi thường];

1.25. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;

1.26. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;

1.27. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;

1.28. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;

1.29. “Nhà thầu tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng. Tên nhà thầu tư vấn được quy định tại E-ĐKCT;

1.30. “Tư vấn thiết kế” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

1.31. “Đại diện nhà thầu tư vấn” là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.

1.32. “Vật tư” là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình;

1.33. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

Điều 2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng (bao gồm cả về thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,...);

b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

c) Biên bản thương thảo hợp đồng;

d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

đ) E-ĐKC của hợp đồng;

e) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

g) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

h) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;

i) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

k) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng do các bên thỏa thuận áp dụng, trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này [quy định tại ĐKCT].

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [quy định tại ĐKCT].

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Thông báo

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực tại thời điểm ký thông báo [quy định tại ĐKCT].

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 6% giá trị hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 5 ngày làm việc sau khi Hợp đồng được ký kết theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP [quy định tại ĐKCT]. Trường hợp Nhà thầu là Nhà thầu liên danh thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

- Hình thức bảo đảm: Bằng thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu). Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải tuân thủ Mẫu số 15 của Hồ sơ mời thầu. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật về tính xác thực, pháp lý của bảo đảm thực hiện hợp đồng nộp cho Chủ đầu tư.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã

thi công, hoàn thành công trình (hoặc hạng mục công trình) tương ứng với hợp đồng đã ký kết, được Chủ đầu tư nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình, đồng thời Chủ đầu tư đã nhận được đủ tiền (hoặc bảo đảm) bảo hành. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 30 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng (hoặc nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng), đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành và chủ đầu tư đã nhận được tiền hoặc bảo đảm bảo hành.

- Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực hoặc một trong các trường hợp: Nhà thầu không sửa chữa các sai sót; hoặc không khắc phục những lỗi, vi phạm đối với bên thứ ba trong quá trình thi công; hoặc vi phạm một trong các điều, khoản của hợp đồng này (trong trường hợp là nhà thầu liên danh, nếu một trong các thành viên trong liên danh vi phạm các điều khoản hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi bảo đảm thực hiện hợp đồng của thành viên liên danh đó).

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Nhà thầu khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

- Thời điểm tạm ứng: Việc tạm ứng hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi hợp đồng xây dựng có hiệu lực, có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần); đồng thời bên giao thầu đã nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương của khoản tiền tạm ứng [quy định tại **ĐKCT**] (Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và quy định tại điều 9, Nghị định 254/2025/NĐ-CP).

- Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả hoặc được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán và đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

- Thu hồi tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết. Trường hợp cần thiết để đảm bảo quyền lợi của Chủ đầu tư thì: Tiền thu hồi tạm ứng sẽ được thu hồi ở mức cao hơn, thời điểm thu hồi hết sớm hơn

(trước khi đạt 80% giá trị hợp đồng). Bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ bị Chủ đầu tư thu hồi nếu nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích, đối tượng hoặc không sử dụng tiền tạm ứng để thực hiện gói thầu này hoặc vi phạm một trong các điều, khoản của hợp đồng, hoặc trước khi hết hiệu lực bảo lãnh tạm ứng (nếu có) 15 ngày mà Chủ đầu tư chưa nhận được gia hạn bảo lãnh tạm ứng hợp lệ.

5.3. Mức tạm ứng: Số tiền tạm ứng tối thiểu **15%** giá trị hợp đồng và tối đa không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, điều 9, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023) không bao gồm chi phí dự phòng và các khoản tạm tính. Việc tạm ứng (số lần tạm ứng) sẽ được Chủ đầu tư tính toán để đảm bảo các điều kiện tổng mức vốn tạm ứng của các hợp đồng không vượt kế hoạch vốn giao hàng năm cho dự án (nếu dự án được bố trí kế hoạch vốn không đủ mức vốn nêu trên thì việc tạm ứng các lần tiếp theo được Chủ đầu tư xem xét thực hiện theo quy định của nhà nước). Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép (theo quy định tại khoản 2, điều 9, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023).

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.1. Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Hồ sơ mời thầu gói thầu số 07 của Chủ đầu tư; Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

6.2. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình trong suốt thời gian thi công. Bàn giao lại cọc GPMB công trình cho đơn vị quản lý khai thác và cơ quan liên quan sau khi hoàn thiện, trước khi bàn giao dự án;

b) Cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

c) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

d) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

đ) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện;

e) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng, sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);

g) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

h) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

- i) Thực hiện đầy đủ các công tác về bảo đảm an toàn lao động, an toàn thi công, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ...;
- k) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- l) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- m) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- n) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;
- o) Thực hiện các khối lượng bổ sung, phát sinh xử lý kỹ thuật, điều chỉnh thiết kế xây dựng có thể xảy ra trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;
- p) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3. Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

7.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng (quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP) như sau:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình và các quy định về chất lượng công trình xây dựng có liên quan của nhà nước; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật tư, vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ thiết kế và hợp đồng.

d) Mẫu biểu nghiệm thu và báo cáo kết quả nghiệm thu thực hiện theo văn bản số 231/BQLDA-QLDA1 ngày 25/4/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Sơn La; trình tự, thủ tục trình nghiệm thu thanh toán theo văn bản số 331/BQLDA-QLDA1 ngày 31/5/2025; báo cáo kết quả thực hiện các gói thầu xây lắp theo văn bản số 548/BQLDA-KHKT ngày 25/8/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Sơn La.

7.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, cấu kiện, bán thành phẩm và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu, cấu kiện, bán thành phẩm.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt

động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các thiết bị để kiểm tra, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; kết quả kiểm tra khối lượng, chất lượng; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

- Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo thiết kế được duyệt và quy định tại khoản 7.1.

- Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu gồm: Đại diện Chủ đầu tư, đại diện Nhà thầu, đại diện các nhà thầu tư vấn và các bên liên quan khác (nếu có) tuân thủ theo các quy định hiện hành hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Hồ sơ nghiệm thu gồm: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành; Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng (hoặc bộ phận công trình xây dựng); Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu; hồ sơ quản lý chất lượng, hoàn công; Các hồ sơ, tài liệu khác theo quy định.

7.4. Chạy thử của công trình (điện chiếu sáng, thử tải...)

Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

Chủ đầu tư thông báo trước số ngày [quy định tại **ĐKCT**] cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được gia hạn thời gian do sự chậm trễ.

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử

và các bên ký biên bản chạy thử làm cơ sở nghiệm thu hợp đồng theo quy định.

7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

7.6. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình, Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng, hư hỏng, sai sót vào ngày đã nêu trong văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư, hoặc tư vấn giám sát, hoặc biên bản kiểm tra, biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá thời gian mà chủ đầu tư ấn định phải thực hiện xong các công việc còn tồn đọng, hư hỏng, sai sót đó.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), khi đó nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm chuyển trả mọi kinh phí sửa chữa trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện trong thời hạn trên sẽ được coi là vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Nhà thầu vi phạm hợp đồng hoặc Chủ đầu tư sử dụng các kinh phí tạm giữ của Nhà thầu để chi trả cho việc sửa chữa này.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

7.7. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng. Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện áp dụng cho các kiểm định trước, và được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

7.8. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành: Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa xong tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 7, điều 39, Luật đấu thầu 2023.

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng: Ngày khởi công công trình sẽ được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản khi gói thầu đáp ứng các điều kiện khởi công theo quy định (Điều 107 Luật Xây dựng) [quy định tại **ĐKCT**].

Nhà thầu sẽ thi công xây dựng công trình ngay sau ngày khởi công và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không được chậm trễ.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc của gói thầu theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian tháng kể từ ngày khởi công công trình [quy định tại **ĐKCT**].

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết báo cáo tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận để trình cho Chủ đầu tư trong thời gian quy định [quy định tại **ĐKCT**], sau ngày khởi công Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình; khối lượng phải hoàn thành, bố trí nhân lực, vật tư, vật liệu, thiết bị máy thi công chủ yếu cần bố trí;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng 05 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu và các bên thống nhất về tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế. Chủ đầu tư sẽ dựa vào bản tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của hợp đồng.

Trường hợp Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 8.4 [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng]. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

d) Tại công trường nhà thầu phải có tiến độ thi công chi tiết theo tuần và kế hoạch cung cấp vật tư vật liệu, tài chính, kế hoạch huy động máy móc thiết bị... phù hợp với tiến độ thi công được chấp thuận, báo cáo tư vấn giám sát để theo dõi, kiểm

tra, giám sát. Tất cả các thay đổi tương ứng với một hạng mục trong biểu khối lượng (khối lượng bổ sung, phát sinh) sẽ được đưa vào lịch thi công đã cập nhật của Nhà thầu và không làm thay đổi thời gian thi công của hợp đồng. Trường hợp khối lượng bổ sung, phát sinh lớn cần thiết phải kéo dài tiến độ phải được Chủ đầu tư chấp thuận.

8.4. Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng

a) Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP [quy định tại **ĐKCT**] và Điều 5 Thông tư 02/2023/TT-BXD.

b) Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Chủ đầu tư không trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;

- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu;

- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.

c) Nhà thầu được phép theo Điều 24 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi lớn về phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các đơn vị khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng;

- Do tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, Nhà thầu gây ra.

d) Khi điều chỉnh kéo dài tiến độ, nhà thầu xây lắp phải lập tiến độ thi công điều chỉnh kèm theo tờ trình và cam kết thực hiện hoàn thành đúng tiến độ đề nghị điều chỉnh. Trong tờ trình nêu rõ nguyên nhân phải điều chỉnh, gia hạn tiến độ.

8.5. Đẩy nhanh tiến độ

- Trong trường hợp Chủ đầu tư hoặc các cấp có thẩm quyền yêu cầu đẩy nhanh, rút ngắn tiến độ thì Nhà thầu phải tổ chức thi công liên tục, cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết để đảm bảo tiến độ chung dự án.

- Trường hợp cần hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư sẽ có văn bản yêu cầu và Nhà thầu đề xuất bản tiến độ thi công điều chỉnh cho phù hợp với tiến độ yêu cầu, khi đó ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận

trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện hoàn thành, trong thời gian yêu cầu. Nhà thầu phải lập tiến độ thi công điều chỉnh nhưng không làm thay đổi tiến độ tổng thể, đồng thời thực hiện ngay việc bổ sung năng lực, tăng thời gian để thi công đáp ứng tiến độ sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận, bao gồm cả việc bù đắp phần khối lượng đã bị chậm.

Nếu nhà thầu không trình tiến độ thi công chi tiết điều chỉnh theo thời gian yêu cầu (của TVGS hoặc của Chủ đầu tư), Chủ đầu tư sẽ giữ lại một số tiền bằng 20% giá trị trong kỳ thanh toán gần nhất, số tiền này chỉ được thanh toán ở các kỳ tiếp theo nếu bản tiến độ thi công chi tiết đã được bên B trình và được bên A chấp thuận.

Bên B sẽ không được trả thêm khoản tiền nào về những biện pháp khắc phục, cho dù có yêu cầu tăng thêm số giờ làm việc, số lượng nhân lực, máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu và các chi phí khác thì bên B phải chịu mọi chi phí này.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

9.2. Giá hợp đồng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

Tổng giá trị hợp đồng là: **đồng** [quy định tại **ĐKCT**].

(*Bằng chữ*:*đồng*)

a) Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong **Phụ lục** [Giá hợp đồng].

b) Giá trị hợp đồng ở trên đã bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành tất cả các hạng mục công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận... của nhà thầu để bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng cũng đã bao gồm toàn bộ các chi phí xây dựng; khi phí khác; chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí theo quy định; nhà thầu xây dựng có nghĩa vụ nộp thuế, phí và các vấn đề liên quan khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí của Việt Nam. Khi nhà nước có sự thay đổi về chính sách thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng thì sẽ được cập nhật theo chính sách mới tại thời điểm đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nội dung chi phí trong giá hợp đồng thi công bao gồm các chi phí: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy thi công; các chi phí xây lắp khác như chi phí di chuyển tập kết máy, thiết bị thi công đến và ra khỏi công trường, đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công, chi phí kho bãi chứa vật liệu, chi phí xây dựng nền móng cho trạm trộn bê tông, trạm sản xuất đá...; chi phí đường công vụ hoàn trả địa phương; chi phí vận chuyển vật tư phục vụ thi công đến công trường; chi phí cho biện pháp thi công để hoàn thành công trình; chi phí cấp điện, nước phục vụ thi công; chi phí bảo hiểm của Nhà thầu và cho bên thứ 3; chi phí thí nghiệm, chạy thử; chi phí bến bãi, kho xưởng; chi phí đảm bảo giao thông; sửa chữa, đền bù đường có sẵn bị hỏng do xe, thiết bị thi công của Nhà thầu thi công gây ra; các chi phí vệ sinh, bảo vệ môi trường, cảnh quan; chi phí đảm bảo an toàn trong quá trình thi công công trình, bao gồm cả an toàn đối với công trình lân cận, đến bản quyền, lợi nhuận của

Nhà thầu và các chi phí liên quan khác.

- Đơn giá các khối lượng, hạng mục trong hợp đồng là đơn giá tổng hợp để hoàn thành đầy đủ, hoàn chỉnh một đơn vị khối lượng hoặc hạng mục đó (có nghĩa đã bao gồm cả chi phí cho các thành phần công việc chi tiết, phụ trợ...theo thiết kế); bảng phân tích chi tiết đơn giá các hạng mục (do nhà thầu cung cấp khi đối chiếu tài liệu hoặc thương thảo hợp đồng) để so sánh với đơn giá tổng hợp trong hồ sơ dự thầu là một bộ phận không tách rời của hợp đồng và là cơ sở trong việc quản lý, nghiệm thu, thanh toán chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng.

c) Chi phí dự phòng do chủ đầu tư quản lý và chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và phải được Chủ đầu tư (hoặc cấp thẩm quyền) phê duyệt theo quy định của nhà nước và hợp đồng.

d) Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh giá hợp đồng].

9.3. Tạm ứng và thu hồi tạm ứng

a) Tiền tạm ứng [quy định tại ĐKCT] được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán khối lượng hoàn thành và bắt đầu thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá hợp đồng đã ký. Tỷ lệ giảm trừ tối thiểu bằng 10% trong các khoản thanh toán đến hạn cho nhà thầu. Trường hợp cần thiết để đảm bảo quyền lợi của Chủ đầu tư thì: Tiền thu hồi tạm ứng sẽ được thu hồi ở mức cao hơn, thời điểm thu hồi hết sớm hơn (trước khi đạt 80% giá trị hợp đồng).

b) Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các thay đổi hợp đồng, các sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 17 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 18 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] hoặc Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư trong thời gian 30 ngày. Nếu quá thời hạn 30 ngày Nhà thầu chưa thực hiện thanh toán cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ thực hiện thu hồi bảo lãnh tiền tạm ứng và nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

c) Cam kết việc sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng: Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu hoặc từng thành viên trong liên danh nhà thầu thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho Chủ đầu tư bản cam kết sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích kèm theo kế hoạch sử dụng và thu hồi số tiền tạm ứng để Chủ đầu tư chấp thuận.

d) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, vận chuyển máy móc, thiết bị đến công trường, xây dựng nhà xưởng, lán trại, mua vật tư, vật liệu, nhiên liệu và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực

hiện hợp đồng (trường hợp sử dụng nhà thầu phụ có trong hợp đồng với Chủ đầu tư thì tiền tạm ứng cũng phải được nhà thầu chính tạm ứng cho nhà thầu phụ). Bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ bị Chủ đầu tư thu hồi nếu nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng tiền tạm ứng để thực hiện gói thầu này hoặc vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng, hoặc trước khi hết hiệu lực bảo lãnh tạm ứng (nếu có) 15 ngày mà Chủ đầu tư chưa nhận được gia hạn bảo lãnh tạm ứng hợp lệ thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi số tiền tạm ứng này thông qua bảo lãnh tạm ứng.

Việc kiểm soát tiền tạm ứng được thực hiện như sau:

- Đối với **15%** số tiền tạm ứng tối thiểu, nhà thầu sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, vận chuyển máy móc, thiết bị đến công trường, xây dựng nhà xưởng, lán trại, mua vật tư, vật liệu, nhiên liệu và các chi phí huy động cần thiết để thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu sau khi hợp đồng có hiệu lực, đồng thời Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng hợp lệ.

- Đối với các khoản tạm ứng vượt mức tạm ứng tối thiểu (**15%**) sẽ được Chủ đầu tư thực hiện kiểm soát chi đối với Nhà thầu. Nhà thầu và Ngân hàng (nơi Nhà thầu mở tài khoản tiếp nhận tiền tạm ứng) phải có cam kết bằng văn bản gửi Chủ đầu tư (theo mẫu số 18 trong E-HSMT). Theo đó, Ngân hàng sẽ chỉ thực hiện giải ngân tiền tạm ứng khi Nhà thầu có văn bản đề nghị tạm ứng kèm theo kế hoạch sử dụng số tiền tạm ứng đó gửi Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư chấp thuận. Mức vốn tạm ứng, thời điểm các lần tạm ứng phải phù hợp theo tiến độ và khối lượng thực hiện hợp đồng.

- Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện đúng cam kết về kiểm soát chi đã được Chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư có quyền thu hồi một phần hoặc toàn bộ giá trị tạm ứng của Nhà thầu thông qua Bảo lãnh tạm ứng nếu Nhà thầu không thực hiện đúng cam kết khi giải ngân tiền tạm ứng từ Ngân hàng."

9.4. Thanh toán [quy định tại **ĐKCT**]

a) Về khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu: Là các khối lượng đã hoàn thành theo thực tế, phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, cụ thể:

- Nếu khối lượng thực hiện thực tế nhỏ hơn khối lượng hợp đồng ban đầu thì khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu tính theo khối lượng thực tế.

- Nếu khối lượng thực hiện thực tế lớn hơn khối lượng hợp đồng ban đầu thì khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu tính theo khối lượng hợp đồng ban đầu. Đối với phần khối lượng thực tế tăng thêm phải được cấp thẩm quyền phê duyệt và ký kết bổ sung phụ lục hợp đồng.

- Không thanh toán hoặc tạm thanh toán cho các công việc chưa hoàn thành như cấu kiện, bán thành phẩm....

b) Về giá trị thanh toán: Giá trị thanh toán xác định trên cơ sở khối lượng hoàn thành được nghiệm thu và đơn giá quy định trong hợp đồng, cụ thể:

- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công được nghiệm thu (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) hàng tháng (hoặc theo thời điểm cụ thể do các bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng) nhân với đơn giá trong hợp đồng.

- Đơn giá các khối lượng, hạng mục trong hợp đồng là đơn giá tổng hợp để hoàn thành đầy đủ, hoàn chỉnh một đơn vị khối lượng hoặc hạng mục, vì vậy trường hợp thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện bất cứ một thành phần công việc xây dựng nào trong hồ sơ thiết kế được duyệt cấu thành nên đơn giá tổng hợp đó thì khi thanh toán, phần khối lượng chênh lệch giảm được thực hiện giảm trừ trong đơn giá chi tiết; đơn giá chi tiết để giảm trừ là đơn giá trong hợp đồng (bao gồm đơn giá tổng hợp hoặc đơn giá chi tiết cấu thành lên đơn giá tổng hợp).

- Chủ đầu tư sẽ giữ lại 7% tổng giá trị nghiệm thu qua từng lần thanh toán (gồm: 5% tổng giá trị nghiệm thu thanh toán để Nhà thầu thực hiện bảo hành công trình; 2% tổng giá trị nghiệm thu thanh toán để đảm bảo công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành) và các khoản tạm giữ khác (nếu có) theo quy định hợp đồng này.

9.5. Thời hạn thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu [quy định tại **ĐKCT**] và dự án đã được bố trí đủ vốn để thanh toán.

9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu [quy định tại **ĐKCT**] khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và nhà thầu đã nộp đầy đủ hồ sơ hoàn công theo quy định và đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, đồng thời Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19 [Bảo hiểm và bảo hành]

9.7. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

9.8. Hồ sơ thanh toán [quy định tại **ĐKCT**]

Khi có khối lượng hoàn thành và đã được Chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định, Nhà thầu nộp 10 bộ hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư. Hồ sơ thanh toán được lập theo quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát, đại diện các tư vấn khác (nếu có) và đại diện Nhà thầu theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng hoàn thành theo thực tế được nghiệm thu (Biên bản có thể lập cho cả Liên danh hoặc từng thành viên Liên danh).

- Bảng tính giá trị thanh toán theo quy định về thanh toán vốn đầu tư.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giá trị tạm giữ chờ quyết toán, giá trị tạm giữ bảo hành, giảm trừ tiền tạm ứng..., giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu theo quy định.

- Đối với những sản phẩm, công việc, công tác chưa được hoàn thành do các nguyên nhân, trong đó bao gồm hợp đồng bị chấm dứt hoặc một bên trong các bên tham gia hợp đồng không nghiệm thu sản phẩm, Chủ đầu tư sẽ xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng chủ thể có liên quan trước khi thực hiện việc thanh toán (theo khoản 4, điều 3, Thông tư số 02/2023/TT-BXD).

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14. Trường hợp khi Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng, thì việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách đó và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách, và theo nguyên tắc tuân thủ quy định tại Điều 36, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021, cụ thể:

- Việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng (không phải do lỗi chậm tiến độ của nhà thầu gây ra) theo quy định của pháp luật (khoản 12, điều 1, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP).

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (theo khoản 12, điều 1, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP).

- Giá hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng cho gói thầu) thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt thì phải được chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá hợp đồng của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng trước khi thực hiện điều chỉnh.

10.1. Khi điều chỉnh đơn giá hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng, thực hiện theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền ban hành và các quy định có liên quan. Việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng theo quy định:

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó hoặc khối lượng phát sinh

chưa có đơn giá trong hợp đồng thì thống nhất xác định đơn giá mới theo quy định của nhà nước về lập dự toán công trình (có tính giảm đơn giá theo tỷ lệ giảm giá dự thầu so với dự toán gói thầu) và trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để thanh toán.

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá 120% khối lượng ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới được áp dụng cho toàn bộ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu.

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng (áp dụng đối với cả khối lượng là khối lượng cấu thành trong khối lượng tổng hợp) thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng.

10.2. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

Khi có khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt thì Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng phải xem xét để xử lý. Khối lượng phát sinh được Chủ đầu tư hoặc người quyết định đầu tư chấp thuận, phê duyệt là cơ sở để thi công, nghiệm thu và thanh toán, quyết toán công trình. Trình tự thủ tục thực hiện như sau:

- Việc lập điều chỉnh, bổ sung thiết kế và dự toán: Chủ đầu tư giao cho đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế thực hiện.

- Việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh bổ sung, thiết kế và dự toán: Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt hoặc trình người quyết định đầu tư chấp thuận, phê duyệt.

- Việc thực hiện các khối lượng bổ sung, phát sinh: Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các hạng mục khối lượng bổ sung, phát sinh hợp lý này đảm bảo chất lượng, tiến độ theo hợp đồng được ký kết giữa các bên.

- Chi phí thực hiện: Theo phụ lục hợp đồng ký kết và đảm bảo không vượt quá giá trị dự toán điều chỉnh được phê duyệt.

10.3. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Điều 21 [Sự kiện bồi thường].

10.4. Điều chỉnh các nội dung khác của hợp đồng thi công:

a) Điều chỉnh biện pháp thi công:

- Nhà thầu được thay đổi biện pháp thi công (trừ ý thứ 2 trong mục này) sau khi được bên giao thầu chấp thuận bằng văn bản nhằm đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết. Khi đó đơn giá thanh toán công việc xây dựng có điều chỉnh biện pháp thi công thực hiện theo các hao phí thực tế nhưng phải đảm bảo không vượt đơn giá công việc tương ứng trong

hợp đồng đã ký kết. Chủ đầu tư sẽ quản lý chặt chẽ các hao phí thực tế theo quy định trong quá trình thực hiện xây lắp và nghiệm thu thanh toán cho nhà thầu.

- Đối với các hạng mục công trình có khối lượng lớn, kết cấu công trình có kỹ thuật phức tạp mà nhà nước đã ban hành quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật thi công, phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật thi công trong hồ sơ mời thầu và biện pháp thi công trong hồ sơ dự thầu thì không được thay đổi biện pháp thi công.

b) Điều chỉnh nguồn gốc xuất xứ, chủng loại vật tư, thiết bị:

- Trường hợp thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị không làm thay đổi chất lượng công trình, tiến độ thực hiện hợp đồng, giá hợp đồng và hiệu quả của dự án thì các bên thống nhất thực hiện và phải được chủ đầu tư chấp thuận. Khi đó đơn giá thanh toán cho công việc xây dựng tương ứng có chủng loại vật tư, thiết bị sẽ được các bên tính toán, cập nhật xác định lại phù hợp với mặt bằng giá thị trường khu vực theo thời điểm thực hiện nhưng không lớn hơn đơn giá hạng mục đó trong hợp đồng và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

- Trường hợp thay đổi nguồn gốc xuất xứ, chủng loại vật tư, thiết bị làm thay đổi chất lượng công trình, tiến độ thực hiện hợp đồng, giá hợp đồng và hiệu quả của dự án thì các bên thương thảo thống nhất sau khi được người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận.

c) Ngoài quy định nêu tại điểm a, điểm b nêu trên, trường hợp điều chỉnh các nội dung khác của hợp đồng thi công thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

11.1. Quyền của Chủ đầu tư

a) Dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu Nhà thầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn, vệ sinh môi trường, đường công vụ, an toàn giao thông, bảo hộ lao động, Phòng cháy chữa cháy.

b) Không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng, khối lượng phát sinh không hợp lý, khối lượng phát sinh do lỗi của nhà thầu.

c) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

d) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra việc Nhà thầu sử dụng tiền của dự án để đảm bảo chắc chắn rằng Nhà thầu đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

e) Ngoài các quyền khác đã quy định trong hợp đồng, Chủ đầu tư còn có quyền:

- Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

- Phải thông báo càng sớm càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc

tình huống dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

- Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định: số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán hoặc kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót.

- Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này.

11.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư: Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong hợp đồng, Chủ đầu tư còn có các nghĩa vụ:

a) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

b) Cử và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;

c) Báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng; Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm trong trường hợp đã báo cáo bố trí nguồn vốn nhưng cấp có thẩm quyền chưa bố trí kịp thời vốn cho dự án.

d) Thuê tư vấn (nếu cần) giúp Chủ đầu tư giám sát theo quy định tại Điều 13 của hợp đồng này [Quyền và nghĩa vụ của nhà tư vấn];

e) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Xem xét và trả lời hoặc chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình.

h) Cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.

i) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm nghiêm túc thanh toán cho Nhà thầu theo đúng thời gian quy định.

j) Chủ đầu tư không chịu bất kỳ trách nhiệm nào khi Nhà thầu sử dụng Hợp đồng này để giao dịch với bên thứ Ba vì bất cứ lý do gì.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

12.1. Quyền của Nhà thầu

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận (theo điểm a, khoản 10.4, điều 10 của hợp đồng) nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết và không

làm tăng chi phí xây dựng.

c) Tiếp cận công trường:

- Chủ đầu tư phải bàn giao cho Nhà thầu mặt bằng thi công công trình (phù hợp với tiến độ và thoả thuận hợp đồng) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng để triển khai thi công đúng theo tiến độ.

- Trường hợp Nhà thầu không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và yêu cầu được kéo dài thời gian thi công xây dựng công trình do sự chậm trễ này. Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian.

12.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Trường hợp là nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải chịu trách nhiệm đối với phần công việc đảm nhận trong thoả thuận liên danh theo quy định của hợp đồng và pháp luật; thành viên đứng đầu liên danh phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về việc tổ chức quản lý, điều hành chung, trực tiếp giao dịch, làm việc với Chủ đầu tư và các thành viên liên danh trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

b) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT, đảm bảo đúng quy định.

c) Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu không sử dụng nhân sự của Nhà thầu cho việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

d) Trường hợp Chủ đầu tư xác định bất cứ một nhân sự nào của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc có hành vi, việc làm gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc.

đ) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

e) Nhà thầu phải khảo sát kỹ hiện trường, các nhà dân và công trình lân cận,... sử dụng biện pháp thi công cho phù hợp để giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng do thi công gây tiếng ồn, gây rung, nứt nhà dân và các công trình lân cận. Nhà thầu cam kết và không được sử dụng các thiết bị gây ồn, thiết bị có gia tốc rung vượt quá giá trị tối đa cho phép và mức vận tốc rung vượt quá giá trị tối đa cho phép [quy định tại danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án].

f) Nhà thầu phải lập phương án, biện pháp tổ chức thi công chi tiết để trình Chủ đầu tư giám sát thực hiện, đồng thời cam kết về việc tuân thủ các quy định về sử dụng

máy móc thiết bị thi công, trách nhiệm của Nhà thầu đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật lân cận. Nhà thầu tự tổ chức kiểm tra, kiểm soát đối với các thiết bị thi công đảm bảo tuân thủ các quy định và đưa ra biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời đối với hư hại gây ra tại các công trình lân cận.

g) Nhà thầu chủ động kiểm tra hiện trường vị trí, diện tích các thửa ruộng, mảnh vườn có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi việc thi công xây dựng công trình để kịp thời xử lý, không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

h) Nhà thầu phải bồi thường kịp thời cho tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng, thiệt hại do mình gây ra trong quá trình thi công xây dựng.

i) Kịp thời khắc phục sạt lở (nếu có) trong quá trình thi công do mình thực hiện, không để diễn biến, ảnh hưởng xấu đến địa hình, môi trường tự nhiên.

k) Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng theo quy định; thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM được phê duyệt và quy định pháp luật có liên quan.

m) Nhà thầu phải ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng các quy định của hợp đồng.

n) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

o) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 05 ngày hoặc thời hạn mà Chủ đầu tư yêu cầu, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

p) Về mặt bằng thi công: Việc giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình do địa phương nơi dự án đi qua thực hiện và được thực hiện đồng thời với quá trình thi công và được bàn giao từng phần theo tiến độ xây dựng (theo Điều 107 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13). Mặt bằng xây dựng công trình phụ thuộc vào tiến độ bàn giao thực tế của tổ chức làm nhiệm vụ GPMB, do đó Chủ đầu tư sẽ bàn giao mặt bằng từng phần cho nhà thầu. Nhà thầu triển khai thi công xây dựng trong phạm vi được bàn giao mặt bằng theo tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận và không được tính thêm kinh phí phát sinh do mặt bằng được bàn giao nhiều đợt.

Trong quá trình thực hiện GPMB nhà thầu phối hợp với Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan để đẩy nhanh tiến độ GPMB. Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận và bảo vệ phạm vi mặt bằng đã giải phóng để triển khai thi công, thường xuyên kiểm tra và ngăn chặn kịp thời việc lấn chiếm hoặc tái lấn chiếm mặt bằng đã giải phóng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp nhà thầu chậm chễ không thi công tại các vị trí đã giải phóng mặt bằng xong mà bị tái lấn chiếm hoặc bị cản trở thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm chủ trì trong việc phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết. Trong quá trình thi công, nhà thầu không được đào, san lấp tạo điều kiện cho tập thể, cá nhân vi phạm hành lang bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ.

q) Trách nhiệm trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán... của

các cơ quan có thẩm quyền:

- Nhà thầu có trách nhiệm: phối hợp với Chủ đầu tư, tư vấn giám sát ngay sau khi có yêu cầu để làm việc với các cơ quan chức năng đối với các nội dung liên quan đến công việc do mình thực hiện trong gói thầu; cung cấp, giải trình, làm rõ đối với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có) đối với các công việc liên quan đến gói thầu, kể cả khi đã kết thúc, thanh lý hợp đồng.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm lưu giữ và cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu đối với toàn bộ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc mua bán vật tư vật liệu, thuê mướn, trả công, biện pháp thi công...trong quá trình thực hiện hợp đồng đối với các công việc do nhà thầu thực hiện và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực, đúng đắn của các hồ sơ, chứng từ đó.

- Trường hợp thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan phê duyệt quyết toán và các cấp thẩm quyền có ý kiến kết luận dẫn đến giảm trừ giá trị hợp đồng (kể cả trường hợp đã quyết toán, thanh lý hợp đồng) thì Nhà thầu có trách nhiệm nộp ngay số tiền phải giảm trừ vào Ngân sách nhà nước ngay sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư mà không được từ chối vì bất cứ lý do nào.

r) Tham gia các cuộc họp, kiểm tra định kỳ, đột xuất:

- Khi Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu tham gia các cuộc họp, kiểm tra liên quan đến dự án, gói thầu thì nhà thầu phải cử cán bộ là Lãnh đạo của nhà thầu để báo cáo, tham gia ý kiến, đề xuất các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng.... và có quyền quyết định các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của nhà thầu ngay tại cuộc họp (không cử cán bộ đi dự họp, kiểm tra chỉ để tiếp thu, xin ý kiến).

- Ngoài các báo cáo định kỳ, báo cáo thường xuyên; khi Chủ đầu tư yêu cầu báo cáo đột xuất thì nhà thầu phải ngay lập tức chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, số liệu và lập báo cáo theo đúng nội dung, thời hạn yêu cầu; đồng thời cử cán bộ có thẩm quyền, có chuyên môn để cùng với Chủ đầu tư báo cáo, giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến công việc của đơn vị mình phụ trách.

s) Kiểm tra, đối chiếu trước khi thi công

Công tác kiểm tra đối chiếu thiết kế xây dựng với thực địa: Sau 07 ngày kể từ khi Nhà thầu được bàn giao thực địa, Nhà thầu phải báo cáo kết quả kiểm tra đối chiếu giữa thực địa và hồ sơ thiết kế xây dựng, nếu có sự sai khác Nhà thầu phải báo cáo cho Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư kiểm tra và xác nhận. Nếu sau 07 ngày kỹ sư tư vấn và Chủ đầu tư không nhận được báo cáo của Nhà thầu về sự sai khác, xem như hồ sơ thiết kế xây dựng không có sai khác với thực địa, và sẽ không được xem xét khối lượng phát sinh do sai khác giữa thực địa và thiết kế xây dựng sau này.

t) Hồ sơ hoàn công

- Các khối lượng nghiệm thu thanh toán từng kỳ nhà thầu phải lập hồ sơ hoàn công và phải được tư vấn giám sát kiểm tra xác nhận.

- Nhà thầu phải lập và nộp hồ sơ hoàn công toàn bộ gói thầu (có xác nhận của tư vấn giám sát) cho Ban QLDA trước ngày nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Số tiền giữ lại vì không nộp hồ sơ hoàn công vào ngày yêu cầu (trước khi nộp hồ sơ thanh toán) được tính bằng 1% giá trị thanh toán của kỳ nghiệm thu tương ứng hoặc bằng 1% giá trị Hợp đồng đối với hồ sơ hoàn công toàn bộ gói thầu. Ban QLDA giữ lại vào từng kỳ thanh toán để thanh toán cho đơn vị khác do Ban QLDA chỉ định để hoàn thành công việc còn lại.

u) Lưu giữ, cung cấp hồ sơ, tài liệu thi công

Nhà thầu chịu trách nhiệm lưu giữ toàn bộ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc mua bán vật tư vật liệu, thuê mướn, trả công, biện pháp thi công. .. trong quá trình đầu tư thi công xây dựng gói thầu đối với các công việc do nhà thầu thực hiện và cung cấp, giải trình, làm rõ đối với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có) đối với các công việc liên quan đến gói thầu, kể cả khi đã kết thúc, thanh lý hợp đồng.

v) Các ảnh hưởng, hư hỏng gây ra trong quá trình thi công (ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng):

Trong quá trình thi công, nhà thầu phải có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, đảm bảo an toàn đối với các công trình lân cận, tài sản, cây cối, hoa màu... của các tổ chức, cá nhân ở dọc hai bên khu vực xây dựng công trình nhưng không nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án. Trường hợp cần thiết để lường trước việc tranh chấp, khiếu kiện, nhà thầu phải liên hệ với chính quyền địa phương và TVGS để cùng quay clip hình ảnh, chụp ảnh hiện trạng các công trình có nguy cơ ảnh hưởng trong quá trình thi công và lập Biên bản xác nhận với Chủ sở hữu. Nếu do ảnh hưởng của quá trình thi công gây hư hỏng, nứt vỡ hoặc thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân thì nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và phải chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết cho đến khi các vụ việc, khiếu kiện được giải quyết xong.

x) Khắc phục các tồn tại, hư hỏng trong quá trình thi công, nghiệm thu:

Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục và hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục cũng như các tồn tại, hư hỏng trên công trường theo yêu cầu của Tư vấn giám sát hoặc của Chủ đầu tư hoặc của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu chậm chễ, không kịp thời khắc phục, sửa chữa các nội dung yêu cầu thì Chủ đầu tư sẽ giao đơn vị khác thực hiện ngay, khi đó toàn bộ các chi phí sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện nhà thầu phải chi trả (theo kinh phí trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư với đơn vị được giao sửa chữa khắc phục), kinh phí được lấy từ giá trị thanh toán khối lượng của nhà thầu

hoặc các kinh phí tạm giữ, bảo hành công trình, nếu thiếu nhà thầu phải nộp thêm.

12.3. Nhân lực của Nhà thầu

a) Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (*hay tác động để sa thải*) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; có thái độ hoặc hành vi làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công trình, không tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật thi công; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường. Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định (*hoặc buộc phải chỉ định*) một người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

b) Đại diện Nhà thầu là người thay mặt Nhà thầu tiếp nhận các chỉ dẫn của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.

- Trường hợp uỷ quyền cho người đại diện điều hành công việc thay mặt Nhà thầu thực hiện hợp đồng thì trước ngày khởi công Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tên và thông tin về người mà Nhà thầu đề nghị làm đại diện để xem xét và chấp thuận;

- Nếu không được sự chấp thuận trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế;

- Toàn bộ thời gian của Đại diện Nhà thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện hợp đồng của Nhà thầu. Nếu đại diện Nhà thầu buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải cử người thay thế phù hợp với sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

12.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường, các chi tiết sẽ được báo cáo hàng tháng, theo biểu mẫu mà Chủ đầu tư quy định hoặc được Chủ đầu tư chấp thuận.

12.5. Hợp tác

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê.

Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi công trường. Trong trường hợp đất đá của gói thầu đào ra sau khi sử dụng cho gói thầu thì phải đổ ra bãi thải hoặc bãi tập kết thiết kế để tận dụng cho gói thầu lân cận và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà thầu khác cùng thi công.

12.6. Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các

hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng. Nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra lại các thông tin, sau 07 ngày nếu Chủ đầu tư không nhận được thông báo của Nhà thầu thì coi như mọi thông tin Chủ đầu tư cung cấp đã chính xác. Kể từ thời điểm đó Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về số liệu các mốc định vị.

Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 23 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

12.7. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

- a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.
- d) Các quy định của pháp luật về lao động;
- đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường và mọi vấn đề liên quan để xác định giá hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng Điều 20 hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

12.8. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình. Chi phí để hoàn trả các đường công vụ phục vụ gói thầu đã được tính toán trong giá hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện việc sửa chữa, khắc phục và đảm bảo giao thông; nếu nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện

không đảm bảo yêu cầu, Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị khác thực hiện toàn bộ hoặc một phần (bằng kinh phí của Nhà thầu với khối lượng và đơn giá do Chủ đầu tư quyết định), khi đó nhà thầu phải trả kinh phí cho đơn vị được Chủ đầu tư thuê.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác (là trường hợp hoàn trả hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt) trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

f) Đường công vụ nội tuyến, ngoại tuyến:

- Nhà thầu phải có trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt 24/24h đối với đường gom, đường công vụ nội, ngoại tuyến;

- Nhà thầu phải có trách nhiệm tạo điều kiện, chia sẻ nghĩa vụ, trách nhiệm với các Nhà thầu khác trong việc sử dụng đường công vụ phục vụ chung của dự án;

- Nhà thầu phải phối hợp với địa phương rà soát, xác nhận tình trạng hư hỏng đường địa phương sử dụng làm đường công vụ; xác định trách nhiệm sửa chữa, hoàn trả của các đơn vị làm cơ sở thanh quyết toán chi phí sửa chữa, hoàn trả (nếu có).

+ Trường hợp Nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo yêu cầu làm ảnh hưởng đến tiến độ chung gói thầu, của dự án: Chủ đầu tư sẽ có văn gửi Nhà thầu (mỗi văn bản cách nhau tối thiểu 5 ngày làm việc). Nếu sau 3 lần gửi văn bản Nhà thầu không thực hiện thì Chủ đầu tư đơn phương thuê nhà thầu phụ tăng cường/nhà thầu tăng cường để thực hiện theo đơn giá do nhà thầu phụ tăng cường/nhà thầu tăng cường đề xuất được Chủ đầu tư và các bên liên quan (nếu có) chấp thuận, khối lượng thực hiện theo thực tế thi công được TVGS xác nhận. Nhà thầu có trách nhiệm chuyển trả kinh phí cho nhà thầu phụ tăng cường/nhà thầu tăng cường trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư;

+ Trường hợp Nhà thầu không thực hiện, khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu thanh toán, Chủ đầu tư sẽ khấu trừ và chuyển vào Tài khoản Ngân hàng của Chủ đầu tư để thanh toán chi phí đảm bảo giao thông đường công vụ cho nhà thầu

phụ tăng cường/nhà thầu tăng cường;

g) Ngay sau khi hoàn thành thi công gói thầu, Nhà thầu sẽ phải khôi phục các công trình hạ tầng công cộng, đất công, hoặc tài sản tư nhân bị ảnh hưởng bởi hoạt động xây lắp của Nhà thầu bao gồm việc khôi phục đường, các hạ tầng địa phương và đất nông nghiệp trở lại điều kiện trước khi thi công.

h) Trong mọi trường hợp, Nhà thầu phải có trách nhiệm thuê, mượn đường công vụ để phục vụ thi công đảm bảo tiến độ Hợp đồng đã ký.

12.9. Vận chuyển vật tư thiết bị

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn **03 ngày**, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

c) Nhà thầu cam kết sử dụng xe vận chuyển vật liệu không vượt quá tải trọng cho phép gửi cho Chủ đầu tư và địa phương. Trong trường hợp vượt tải trọng cho phép thì Nhà thầu phải đền bù hư hỏng do mình gây ra bằng kinh phí của mình.

12.10. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

12.11. Công trình tạm:

Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm về an toàn trong mọi trường hợp của việc thiết kế và xây dựng, đưa vào sử dụng các công trình tạm (gồm các công trình phụ trợ thi công, đà giáo, đường nội bộ công trường, đường tạm, cầu tạm, trạm gác, hàng rào và các loại biển báo,...) cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình, để sử dụng và bảo vệ dân cư đang cư trú ở các khu vực lân cận. Việc thông qua của Chủ đầu tư về các công trình tạm này sẽ không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu về việc thiết kế và xây dựng, đưa vào sử dụng các công trình tạm phục vụ cho thi công công trình.

12.12. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 45 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

12.13. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 23 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng

13.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (TVGSTCXD)

Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao cho TVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. Nhà thầu TVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

Nhà thầu TVGSTCXD không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu TVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gán với chức danh Nhà thầu TVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu TVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu TVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) Nhà thầu TVGSTCXD không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu TVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

13.2. Trách nhiệm của Nhà thầu TVGSTCXD

Giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn và bảo vệ môi trường trong thi

công xây dựng (cả thời gian bảo hành). Nội dung giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng và hợp đồng được ký kết giữa Chủ đầu tư với Nhà thầu TVGSTCXD.

13.3. Thay thế Nhà thầu TVGSTCXD

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu TVGSTCXD thì không ít hơn 30 ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu TVGSTCXD được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu TVGSTCXD bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

Điều 14. Nhà thầu phụ

Tỷ lệ được giao thầu phụ không quá 30% giá trị Hợp đồng để thuận lợi trong quá trình quản lý thi công xây dựng và quản lý hợp đồng xây dựng. Trường hợp nhà thầu chính đề xuất sử dụng nhà thầu phụ (ngoài danh sách của HSDT), nhà thầu chính phải báo cáo Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận.

14.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ [quy định tại **ĐKCT**], Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo HSDT thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận [quy định tại **ĐKCT**];

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc/nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

c) Trường hợp nhà thầu chính tự ý sử dụng nhà thầu phụ hoặc giao lại trên 30% giá trị công việc theo hợp đồng cho nhà thầu phụ thực hiện mà không có sự nhất trí bằng văn bản của Chủ đầu tư thì nhà thầu chính phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật.

d) Thanh toán cho nhà thầu phụ:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản kinh phí cho nhà thầu phụ theo hợp đồng thầu phụ đã ký để đảm bảo tiến độ thi công công trình;

- Chủ đầu tư có thể tạm ứng, thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu.

14.2. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định

a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một Nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về an toàn hoặc chất lượng hoặc tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc các nội dung khác quy định trong hợp đồng, sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.

b) Khối lượng giao thầu phụ sẽ do Chủ đầu tư quyết định, đơn giá tính theo giá hợp đồng (hoặc khi đơn giá thực tế cao hơn đơn giá hợp đồng thì tính theo dự toán lập theo quy định, chính sách của nhà nước tại thời điểm giao thầu phụ, phần chi phí chênh lệch tăng thêm nhà thầu chính phải chịu); chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho

nhà thầu phụ.

c) Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

14.3. Hợp tác với Nhà thầu khác.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.

Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.

14.4. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

15.1. An toàn lao động

a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận có nguy cơ gây mất an toàn hoặc phạm vi có thể bị ảnh hưởng do quá trình xây lắp gây ra.

b) Nhà thầu phải có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn cho người lao động của mình, cung cấp đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động. Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

c) Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Nhà thầu và các tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường

16.1. Điện, nước trên công trường

Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần. Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng với nhà cung cấp.

16.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư, Nhà thầu TVGSTCXD và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

17.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể.

Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo hợp đồng.

Trong trường hợp trong quá trình thực hiện, nếu cấp có thẩm quyền yêu cầu tạm dừng để triển khai công tác điều chỉnh dự án hoặc các điều chỉnh khác theo quy định; Chủ đầu tư sẽ có thông báo, khi đó Nhà thầu tạm dừng thi công các hạng mục chưa thi công để phục vụ công tác điều chỉnh, tránh gây thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; sau khi hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh theo quy định, Nhà thầu tiếp tục thi công khối lượng theo Hợp đồng hoặc khối lượng điều chỉnh, bổ sung theo hồ sơ được duyệt của cấp thẩm quyền (nếu có) trong phạm vi công việc của gói thầu.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 10 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

17.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 17.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 15 ngày liên tục không thực hiện công việc

theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ lớn hơn 30% giá trị Hợp đồng hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 21 ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 05 ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này. Rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra (nếu có) sẽ được trả cho Nhà thầu.

e) Trường hợp khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo khoản này để tự thi công công trình.

17.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 17.2 của hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

17.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 17.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

18.1. Quyền tạm dừng công việc của Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ khoản 9.5 của hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 30 ngày khi đủ điều kiện thanh toán; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 30 ngày, sẽ tạm dừng công việc (*hoặc giảm tỷ lệ công việc*) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm dừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm dừng công việc (*hoặc do giảm tỷ lệ công việc*) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 23 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và Chủ đầu tư có đủ nguồn vốn được bố trí;

b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể bằng thông báo trước 30 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm d Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

18.3. Dừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

a) Dừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

18.4. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu;

b) Thanh toán cho Nhà thầu các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành

19.1. Bảo hiểm và bảo hành thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định tại khoản 19.2, khoản 19.3 Điều này.

19.2. Bảo hiểm

- Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được đơn vị bảo hiểm bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện không đáp ứng những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm;

- Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu và bảo hiểm đối với bên thứ ba.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bên thứ ba cho rủi ro do Nhà thầu gây ra, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công trình. Trong hợp đồng bảo hiểm công trình xây dựng có điều khoản bảo hiểm đối với bên thứ ba với hạn mức bồi thường được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, khi xảy ra các tổn thất, thiệt hại đối với bên thứ ba có giá trị tổn thất vượt hạn mức bồi thường hoặc trong hạn mức nhưng không thuộc trách nhiệm của Nhà thầu Bảo hiểm, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường đối với những tổn thất xảy ra đối với bên thứ ba.

- Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian thi công công trình và thời gian bảo hành công trình.

19.3. Bảo hành

Mức tiền giữ lại bảo hành công trình là 5% giá trị hợp đồng và được giữ bằng tiền qua từng lần nghiệm thu thanh toán (bằng 5% tổng giá trị thanh toán). Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành toàn bộ các hạng mục, thiết bị thuộc phạm vi của gói thầu trong thời gian 01 năm (12 tháng) kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng và được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Nhà thầu.

- Bảo lãnh tiền bảo hành công trình: Sau khi công trình hoàn thành và được bàn giao đưa vào sử dụng, nếu được Chủ đầu tư chấp thuận thì nhà thầu có thể thay thế tiền tạm giữ bảo hành bằng thư bảo lãnh ngân hàng (mẫu bảo lãnh theo HSMT hoặc chủ đầu tư ban hành) với giá trị và hiệu lực đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư. Thời gian hiệu lực của bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực kể từ khi công trình bàn giao đưa vào khai thác sử dụng đến khi Nhà thầu được cấp Chứng nhận kết thúc bảo hành công trình. Bảo lãnh bảo hành công trình sẽ bị thu hồi nếu nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện không đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư về sửa chữa các hư hỏng của gói thầu trong thời gian bảo hành.

- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được thực hiện trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện không đáp ứng yêu cầu các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này, đơn giá thực hiện sẽ do bên thứ ba đề xuất, khối lượng theo thực tế thi công và được TVGS xác nhận; toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên, nếu thiếu nhà thầu phải nộp thêm.

- Sau khi Chủ đầu tư ký xác nhận hoàn thành bảo hành công trình, Chủ đầu tư tiến hành giải toả bảo lãnh bảo hành hoặc hoàn trả lại tiền bảo hành công trình cho Nhà thầu theo quy định;

- Chủ đầu tư giám sát và tổ chức nghiệm thu các công việc sửa chữa, khắc phục trong thời hạn bảo hành công trình đảm bảo chất lượng, trước khi xác nhận hoàn thành bảo hành công trình, Chủ đầu tư có thể xin ý kiến của các bên liên quan nếu cần thiết hoặc theo quy định.

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

20.1. Rủi ro và bất khả kháng

Rủi ro và bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Khi một Nhà thầu bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

20.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 20.1 của hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

20.3. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng

hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu, bàn giao hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua bên tiếp nhận, quản lý khai thác. Nếu biên bản nghiệm thu, bàn giao được phát hành cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho bên tiếp nhận, quản lý khai thác.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho bên tiếp nhận, quản lý khai thác, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 20.3 của hợp đồng [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

20.4. Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

20.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc

nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

20.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 23 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.3 của hợp đồng [Gia hạn thời gian hoàn thành];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 20.1 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

20.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian ... ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên ... ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực 30 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện đúng theo thiết kế duyệt mà giá đã được nêu trong hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình;

đ) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Nhà thầu thuê trong thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Điều 21. Sự kiện bồi thường [quy định tại ĐKCT]

21.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là sự kiện bồi thường

a) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong hợp đồng này;

b) Chủ đầu tư thông báo không hợp lý việc trì hoãn công việc hoặc không cấp bản vẽ, thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện công trình đúng thời hạn;

c) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy sai sót;

d) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ đã chấp thuận trong hồ sơ trúng thầu mà không có lý do xác đáng, hợp lý;

21.2. Nếu sự kiện bồi thường [quy định tại **ĐKCT**] cản trở việc hoàn thành công việc trước ngày hoàn thành dự kiến, thì tiến độ thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.

Điều 22. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

22.1. Thưởng hợp đồng

Trường hợp Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

22.2. Xử lý, Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng đối với nhà thầu

a) Xử lý hợp đồng khi vi phạm tiến độ

- Quy trình xử lý hợp đồng khi vi phạm tiến độ: Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thi công thực tế với tiến độ thi công đã duyệt. Trường hợp Chủ đầu tư xét thấy tiến độ chi tiết của nhà thầu bị chậm, có thể ảnh hưởng đến việc hoàn thành chung của toàn công trình, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu điều chỉnh kế hoạch tiến độ, khi đó nhà thầu phải có biện pháp tích cực để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình theo yêu cầu, kể cả bù đắp các khối lượng đã bị chậm. Nếu tiến độ thi công thực tế chậm so với tiến độ đã duyệt (chấp thuận) hoặc theo thời gian qui định trong hợp đồng này thì nhà thầu phải bù đắp tổn thất và bị phạt theo quy định trong hợp đồng. Quy trình xử lý vi phạm tiến độ như sau:

+ Vi phạm lần 01: Khi xác định việc nhà thầu vi phạm tiến độ so với tiến độ yêu cầu, chủ đầu tư thông báo phê bình nhà thầu và yêu cầu nhà thầu tăng cường, khắc phục, bù đắp khối lượng công việc chậm trễ.

+ Vi phạm lần thứ 02: Sau 14 ngày kể từ khi thông báo phê bình, nếu việc vi phạm tiến độ lần đầu chưa được khắc phục hoặc nhà thầu tiếp tục vi phạm tiến độ, chủ đầu tư có văn bản cảnh cáo nhà thầu; khi đó chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng, nhà thầu phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Phụ lục yêu cầu về hợp đồng và

Điều chuyển một phần khối lượng hợp đồng để giao cho nhà thầu phụ bổ sung mới do chủ đầu tư lựa chọn (hoặc điều chuyển khối lượng cho các thành viên trong liên danh nhà thầu do Chủ đầu tư quyết định). Đơn giá dự toán giao cho nhà thầu phụ được xác định tại thời điểm điều chuyển. Trường hợp đơn giá dự toán giao cho nhà thầu phụ cao hơn đơn giá hợp đồng ban đầu thì toàn bộ chi phí tăng thêm nhà thầu

chính phải chịu trách nhiệm chi trả.

Chủ đầu tư được quyền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ đối với các khối lượng công việc điều chuyển.

+ Vi phạm lần thứ 03: Sau khi xử lý vi phạm lần 02, nếu nhà thầu không khắc phục hoặc khắc phục nhưng không đạt yêu cầu hoặc tiếp tục vi phạm tiến độ thì Chủ đầu tư dừng không thanh toán đối với các khối lượng đã hoàn thành để xem xét giải quyết việc xử lý, xử phạt, chấm dứt, thanh lý hợp đồng với nhà thầu và đăng tải việc xử lý vi phạm của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Phạt vi phạm tiến độ: Nhà thầu phải chịu mức phạt 0,05% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày vi phạm chậm tiến độ (số ngày chậm tiến độ căn cứ vào tiến độ thi công chi tiết đã được duyệt hoặc chấp thuận), tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; Chủ đầu tư giữ lại khoản tiền tương ứng với mức phạt đã quy định trong kỳ thanh toán gần nhất; đồng thời yêu cầu Nhà thầu có biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công, bù đắp thời gian bị chậm. Khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu vi phạm thời gian hoàn thành theo hợp đồng đã ký, khoản tiền giữ lại tại các kỳ thanh toán nêu trên do Nhà thầu vi phạm hợp đồng sẽ không được hoàn trả tương ứng với thời gian Nhà thầu vi phạm (bị chậm) so với thời gian hoàn thành theo quy định của hợp đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định. Trường hợp vi phạm dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu hoặc thành viên liên danh thuộc Nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng sẽ bị đánh giá không hoàn thành hợp đồng.

- Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt hợp đồng trước khi hoàn thành công trình. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong hợp đồng;

- Các vi phạm của Nhà thầu: Về chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, sử dụng Nhà thầu phụ không đúng quy định, chậm hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán... sẽ bị Chủ đầu tư cảnh báo bằng văn bản, các văn bản cảnh báo này là cơ sở để xử lý vi phạm hợp đồng.

b) Xử lý hợp đồng khi vi phạm về kỹ thuật, chất lượng:

- Nếu nhà thầu vi phạm về chất lượng do chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu qui định thì nhà thầu phải làm lại cho đủ và đúng chất lượng bằng kinh phí của nhà thầu. Các vi phạm chất lượng không được sửa chữa đảm bảo yêu cầu, không đáp ứng thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư sẽ không được thanh toán. Trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ đầu tư sẽ chỉ định nhà thầu phụ (bên thứ 3) thực hiện, khi đó toàn bộ kinh phí phục vụ việc khắc phục, xử lý sẽ do nhà thầu chính chi trả (bao gồm cả chi phí tư vấn lập thiết kế, dự toán xử lý khắc phục, kiểm định...) và được lấy từ kinh phí thanh toán khối lượng của nhà thầu chính, nếu thiếu nhà thầu chính phải nộp thêm.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật khi

để xảy ra vi phạm về chất lượng các hạng mục công trình của gói thầu hoặc xảy ra sự cố công trình do lỗi của nhà thầu. Nhà thầu phải bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa, hoặc làm lại phần công trình bị hư hỏng và các giá trị thiệt hại khác có liên quan;

c) Các yêu cầu khác về thưởng, phạt vi phạm hợp đồng

- Nhà thầu thuê nhà thầu phụ mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư: Trong trường hợp này Chủ đầu tư cảnh cáo và yêu cầu thực hiện đúng các quy định của hợp đồng. Nếu sau khi bị cảnh cáo vẫn tiếp tục vi phạm Nhà thầu sẽ bị đình chỉ chấm dứt thực hiện hợp đồng;

- Vi phạm kỹ thuật và chất lượng công trình: Nếu Nhà thầu thi công không đảm bảo quy trình, quy phạm yêu cầu kỹ thuật và mỹ quan trong xây dựng sẽ phải bồi thường mọi tổn thất cho việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt thêm 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm chất lượng;

- Vi phạm không nộp hồ sơ quyết toán công trình: Nếu Nhà thầu chậm nộp hồ sơ theo Khoản 24.1 (Quyết toán công trình) thì Nhà thầu sẽ bị phạt 100 triệu đồng và sau 60 ngày Nhà thầu vẫn chưa nộp hồ sơ thì Chủ đầu tư sẽ phạt tiếp theo mức 10 triệu đồng cho mỗi tuần chậm trễ, nếu Nhà thầu không nộp phạt thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ trực tiếp vào khoản tạm giữ chờ quyết toán;

- Trường hợp cấp có thẩm quyền yêu cầu công trường phải thi công cả các ngày nghỉ lễ, tết mà nhà thầu không tuân thủ thực hiện thì sẽ bị phạt 100 triệu đồng/ngày

Chi phí xử lý, xử phạt được trừ vào đợt thanh toán kế tiếp hoặc các khoản bảo đảm hay khoản tạm giữ khác trong hợp đồng.

Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

23.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

23.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong thời gian quy định kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam [quy định tại **ĐKCT**]. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

23.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

24.1. Quyết toán hợp đồng

Quyết toán hợp đồng xây dựng theo các quy định tại: Điều 22 Nghị định

số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP; Nghị định số 254/2025/NĐ-CP; các quy định pháp luật khác có liên quan và một số các quy định sau:

Trong vòng 60 ngày [quy định tại **ĐKCT**] sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư **10 (bộ)** quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
 - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
 - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;
 - Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;
 - Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- Trường hợp Nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định, Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu Nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện. Sau khi Chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 đến Nhà thầu, nhưng Nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu; Chủ đầu tư căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện của hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị thanh toán cuối cùng là giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư giải trình với cấp có thẩm quyền trong quá trình thẩm tra phê duyệt quyết toán, đồng thời có nghĩa vụ thực hiện quyết định phê duyệt quyết toán gói thầu của cấp có thẩm quyền.

24.2. Thanh lý hợp đồng

Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và các quy định sau:

- a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:
- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
 - Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 18 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].
- b) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời gian quy định [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a khoản 24.2 Điều này.

24.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng

25.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Số bản, trang, Phụ lục và ngôn ngữ hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

25.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**] và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

25.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Điều khoản chung

26.1. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về việc Nhà thầu dùng Hợp đồng để vay vốn.

26.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

26.3. Hợp đồng này bao gồm trang và phụ lục được lập thành 20 bản bằng tiếng Việt. Chủ đầu tư sẽ giữ 12 bản tiếng Việt, Nhà thầu sẽ giữ 8 bản tiếng Việt (*Trường hợp có sử dụng từ hai thứ ngôn ngữ trở lên thì các bên quy định thêm về số bản hợp đồng bằng các ngôn ngữ khác*).

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.16. “Ngày hoàn thành” là: Ngày tháng năm 2026.

1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là: Ngày tháng năm 2026.

1.18. “Ngày khởi công” là: Ngày tháng năm 2026.

1.19. “Nhà thầu” là: Công ty

1.20. “Đại diện Nhà thầu” là: - Giám đốc Công ty.....

1.21. “Nhà thầu phụ” là:

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng:

a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

c) Biên bản thương thảo hợp đồng;

d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

- đ) E-ĐKC của hợp đồng;
- e) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- g) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
- h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
- i) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
- k) Các tài liệu khác quy định tại có liên quan.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Thông báo

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm bên kia nhận được thông báo/văn bản thông qua các phương thức gửi bưu điện hoặc thư điện tử, Zalo; nếu bên nhận thông báo thay đổi địa chỉ so với hợp đồng hoặc vì một lý do nào đó mà thông báo của bên gửi không thể đến được bên nhận (không phải do lỗi của bên gửi) thì khi đó thông báo/văn bản sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm ký thông báo/văn bản.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là: đồng (*tương đương 6% giá trị hợp đồng*).

- Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng **05 ngày** làm việc sau khi hợp đồng đã được ký kết.

- Thời gian Nhà thầu phải gia hạn bảo đảm thực hiện là **30 ngày** trước ngày hết hạn bảo đảm thực hiện.

- Thời gian thanh toán nợ cho Chủ đầu tư là 30 ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả hoặc thông báo của Chủ đầu tư yêu cầu phải trả.

- Thời gian sửa chữa sai sót là 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

- Thời gian trả lại bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu là 30 ngày sau khi các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành và Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm bảo hành công trình.

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

Trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng do Ngân hàng cấp theo Mẫu trong HSMT hoặc bảo lãnh được Chủ đầu tư chấp thuận với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu là liên danh các nhà thầu thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

7.4. Chạy thử của công trình

Thời gian chạy thử đối với hạng mục điện chiếu sáng là 05 ngày sau ngày đã thông báo hoặc ngày Chủ đầu tư yêu cầu.

7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thời gian phản hồi Nhà thầu là **10 ngày** kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Nhà thầu.

Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư và các bên liên quan trong công tác nghiệm thu, bàn giao công trình (hạng mục công trình), cụ thể:

- Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành, công trình chạy thử (nếu có) đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì Nhà thầu và Chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu công trình.

- Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư đề nghị nghiệm thu công trình không ít hơn **10 ngày** trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, Nhà thầu có thể đề nghị nghiệm thu theo hạng mục.

- Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu hoặc bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.

- Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, các bên tiến hành thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

- Ngày bắt đầu công việc là ngày tháng năm 2026 và sẽ được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản khi đáp ứng các điều kiện khởi công theo quy định.

- Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về ngày bắt đầu công việc là 03 ngày.

- Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực là ngày Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu.

- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc của gói thầu là tháng.

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc là 10 ngày.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Nhà thầu phải trình Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư biểu tiến độ huy động máy móc, thiết bị, nhân sự, lán trại, phòng thí nghiệm hiện trường ... trong đó xác định các mốc tiến độ trình duyệt, hoàn thành các hạng mục công việc chính của gói thầu. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Nhà thầu rà soát, cập nhật trình Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận biểu tiến độ thi công tổng thể và biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc cụ thể của gói thầu, trong đó xác định rõ các mốc tiến độ thực hiện làm cơ sở quản lý, xử lý vi

phạm hợp đồng và triển khai các mũi thi công đầu tiên trên công trường.

8.4. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

Các trường hợp khác: Khi cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thương thảo với Nhà thầu về các nội dung liên quan.

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.2. Giá hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng là: **đồng** (Bằng chữ:), trong đó:

- Chi phí xây dựng:**đồng** (Bằng chữ:).

- Chi phí dự phòng:**đồng** (Bằng chữ:)

(có Biểu chi tiết phân khai giá trị hợp đồng tại Phụ lục 01 đính kèm).

9.3. Bảo lãnh tạm ứng, tạm ứng, thu hồi tạm ứng:

- Tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, có kế hoạch GPMB hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (từng phần hoặc toàn bộ), Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng hợp lệ và dự án được bố trí kế hoạch vốn, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng và các khoản tạm tính) nhưng không vượt quá số vốn kế hoạch được giao. **Số tiền tạm ứng hợp đồng là: VNĐ (bằng chữ.....),** trong đó:

+ Công ty VNĐ (bằng chữ.....)

+ Công ty VNĐ (bằng chữ.....)

- Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng: Trước khi Chủ đầu tư thực hiện tạm ứng.

- Thời gian bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng hết hiệu lực khi Chủ đầu tư đã thu hồi hết tiền tạm ứng và Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

- Chủ đầu tư sẽ chuyển tiền tạm ứng vào ngân hàng của các nhà thầu đã nêu tại điểm c, khoản 9.4 dưới đây trong thời gian **10** ngày sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng.

9.4. Thanh toán

a) Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng xây dựng là đồng tiền Việt Nam.

b) Hình thức thanh toán: bằng hình chuyển khoản 100% vào tài khoản của nhà thầu hoặc từng thành viên liên danh (theo khối lượng công việc đảm nhận trong Liên danh).

c) Tài khoản thanh toán: Nhà thầu sử dụng các tài khoản sau để giao dịch với Chủ đầu tư:

d) Đơn giá thanh toán: theo đơn giá quy định trong hợp đồng.

e) Cơ sở thực hiện thanh toán:

- Các bên liên quan tổ chức nghiệm thu xác định khối lượng hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khối lượng thanh toán phải phù hợp với hồ sơ nghiệm thu công việc hoàn thành tương ứng.

- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo Điều 10 [Điều chỉnh giá đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh].

f) Nguyên tắc thanh toán:

- Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu khi dự án được bố trí vốn.
- Chủ đầu tư thanh toán từng lần cho Nhà thầu sau khi đã trừ đi tiền tạm ứng, tạm giữ 5% tiền bảo hành công trình và 2% để thực hiện nghĩa vụ quyết toán công trình và các khoản tạm giữ khác theo quy định trong hợp đồng.

9.5. Thời hạn thanh toán

- Thời điểm nộp hồ sơ thanh toán: Khi có khối lượng đã được chấp thuận nghiệm thu, Nhà thầu phải nộp hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư (*Hồ sơ thanh toán đã có đầy đủ chữ ký xác nhận của Nhà thầu thi công và Tư vấn giám sát*).

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu và Chủ đầu tư đã được cấp thẩm quyền bố trí, cấp vốn đủ để thanh toán khối lượng hoàn thành.

9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

- Đối với tiền giữ lại để bảo hành công trình: Chủ đầu tư giữ lại **5% giá trị hợp đồng** để bảo hành công trình theo quy định. Việc giữ lại **5% bảo hành công trình** được thu tại từng kỳ thanh toán. Chủ đầu tư sẽ chuyển tiền tạm giữ bảo hành công trình vào tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư cho đến khi kết thúc nghĩa vụ bảo hành. Trường hợp Chủ đầu tư chấp thuận trả tiền giữ lại bảo hành công trình khi chưa kết thúc nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình. Bảo lãnh do ngân hàng cấp theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận và có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Chủ đầu tư sẽ trả lại tiền tạm giữ bảo hành công trình hoặc giải toả bảo lãnh bảo hành (chi phí còn lại sau khi giảm trừ các chi phí thuộc trách nhiệm phải trả của nhà thầu quy định trong hợp đồng) sau khi có văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về việc nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ và kết thúc thời gian bảo hành.

- Đối với khoản tạm giữ chờ quyết toán: Chủ đầu tư sẽ tạm giữ lại 2% giá trị hợp đồng để chờ quyết toán. Việc giữ lại 2% tạm giữ chờ quyết toán được giữ tại từng kỳ thanh toán. Chủ đầu tư sẽ chuyển tiền tạm giữ này vào tài khoản tiền tạm giữ chờ quyết toán của Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ quyết toán công trình. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và Nhà thầu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán để thanh toán số tiền tạm giữ cho Nhà thầu. Trường hợp, Chủ đầu tư trả tiền giữ chờ quyết toán khi Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ quyết toán, thì Nhà thầu phải nộp bảo lãnh cho Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ quyết toán. Bảo lãnh phải có giá trị sau 45 ngày kể từ khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và phải do Ngân hàng cấp theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Đối với các khoản tạm giữ khác quy định trong hợp đồng (như tạm giữ 1% mỗi đợt nghiệm thu, thanh toán nếu nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định hoặc các tài liệu không được Chủ đầu tư chấp thuận; tạm giữ do nhà thầu không trình bản tiến độ thi công điều chỉnh...). Chủ đầu tư sẽ trả lại tiền tạm giữ (chi phí tạm giữ còn lại sau khi giảm trừ các chi phí thuộc trách nhiệm phải trả của nhà thầu quy định trong hợp đồng) vào các kỳ thanh toán sau khi nhà thầu đã hoàn

thành các công việc đó và được Chủ đầu tư chấp thuận.

9.8. Hồ sơ thanh toán

a) Hồ sơ thanh toán 10 bộ.

b) Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu.

- Bảng tính giá trị thanh toán theo quy định về thanh toán vốn đầu tư.

- Bảng xác định đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá được duyệt (nếu có).

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giá trị tạm giữ chờ quyết toán, giá trị tạm giữ bảo hành, giảm trừ tiền tạm ứng, các giá trị tạm giữ khác (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu theo quy định.

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

10.2. Điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng.

Về điều chỉnh khối lượng công việc:

- Khối lượng trong hợp đồng là các khối lượng chính; các khối lượng chi tiết không đề cập nhưng được hiểu đã bao gồm đầy đủ khối lượng các hạng mục để thi công hoàn chỉnh gói thầu theo hồ sơ thiết kế đã duyệt và đã được nhà thầu kiểm tra, tính toán và phân bổ trong giá dự thầu. Việc điều chỉnh bổ sung khối lượng chỉ thực hiện khi có khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế xây dựng công trình được duyệt.

- Khi bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong hợp đồng, các bên thống nhất thực hiện theo nguyên tắc: (i) Khối lượng phát sinh, bổ sung thuộc phạm vi thi công của nhà thầu nào thì nhà thầu đó thi công. (ii) Giá trị các hạng mục, khối lượng phát sinh bổ sung sẽ được tính toán theo các quy định trong hợp đồng, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở ký bổ sung phụ lục hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ

14.1. Danh sách Nhà thầu phụ:

Nhà thầu được ký hợp đồng với các nhà thầu phụ có trong danh sách nêu trong HSDT. Trong quá trình thực hiện trường hợp có sự thay đổi hoặc bổ sung nhà thầu phụ thì Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư và sau khi Chủ đầu tư có văn bản chấp thuận mới được triển khai thực hiện.

14.4. Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ:

Trong quá trình thực hiện xét thấy nhà thầu phụ yếu kém, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tiếp tục đảm nhận phần khối còn lại của nhà thầu phụ đó hoặc Chủ đầu tư có quyền thay thế bằng nhà thầu phụ khác để đáp ứng yêu cầu tiết độ thực hiện gói thầu.

Điều 21. Sự kiện bồi thường: Bồi thường thiệt hại: Không Áp dụng.

Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

23.2. Xử lý các tranh chấp

- Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là: 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân tỉnh Sơn La để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật.

- Hình thức giải quyết tranh chấp: Quyết định của Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

- Trong thời gian chờ đợi phán quyết của Tòa án Nhân dân, Nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm thi công công trình theo đúng tiến độ đề ra, không vì lí do tranh chấp mà trì trệ hoặc chậm trễ công việc đối với thi công công trình. Nếu không thực hiện quy định trên thì Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư theo quy định về chậm trễ hoàn thành công trình.

Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

24.1. Quyết toán hợp đồng

- Thời gian trình hồ sơ quyết toán hợp đồng là: 60 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ quyết toán hợp đồng là: 10 bộ.

24.2. Thanh lý hợp đồng

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là 30 ngày.

Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng

25.1. Hợp đồng này bao gồm trang, và 02 Phụ lục được lập thành 20 bản có hiệu lực pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản Nhà thầu sẽ giữ 12 bản.

25.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 5 Hợp đồng.

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ THẦU

**PHỤ LỤC KẾ HOẠCH TẠM ỨNG VÀ THU HỒI TIỀN
TẠM ỨNG HỢP ĐỒNG**

**Gói thầu số 076: Xây lắp công trình thuộc Dự án Cầu qua sông Mã bản Pe Tiên
(Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Hợp đồng số/2026/HĐ- TCXD ngày/...../2026 giữa Ban Quản
lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La và Công ty*

I. Công ty.....

1. Kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng:

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng tạm tính	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
.....						
	Tổng cộng				0	

2. Kế hoạch thu hồi tạm ứng (dự kiến):

Thời gian	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
Ngày, tháng, năm			
.....			

Thời gian	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng:		

II. Công ty

1. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ứng:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng tạm tính	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
....						
	Tổng cộng:					

2. Kế hoạch thu hồi tạm ứng (dự kiến):

Đơn vị:

đồng

Thời gian	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
Ngày, tháng, năm			
...			
	Tổng cộng:		

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ THẦU XÂY LẮP

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ THẦU THI CÔNG